

Số: 16 /QĐ-SCT

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật thi đua khen thưởng;

Căn cứ Quyết định 95/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Thi đua, Khen thưởng”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 09/QĐ-SCT ngày 31/01/2019 của Giám đốc Sở Công Thương Ninh Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng sở, các Trưởng phòng chuyên môn thuộc sở và đơn vị trực thuộc sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo sở;
- Các tổ chức Đoàn thể cơ quan;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Đình Vinh

**QUY CHẾ
THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /QĐ-SCT ngày 18 tháng 02 năm 2021
của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I**NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thời gian, nội dung, thủ tục trong công tác thi đua, Khen thưởng đối với Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua: Công chức, viên chức người lao động đang công tác làm việc tại cơ quan Sở Công thương và các đơn vị trực thuộc sở.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, có thành tích xuất sắc đóng góp vào hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai.
2. Đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.
3. Thi đua có kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể.
4. Tập thể, cá nhân tham gia thi đua đều phải có đăng ký thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc xét khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.
2. Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.
3. Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

4. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

5. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công chức, viên chức thừa hành. Khi đề nghị khen thưởng theo đợt, chuyên đề cấp tỉnh đối với cá nhân không là lãnh đạo, quản lý phải đạt tỷ lệ từ 65% trở lên.

6. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

7. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

8. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

9. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng nhưng không quá hai Bằng khen chuyên đề của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong một năm (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo niên hạn) đối với tập thể và cá nhân.

Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

10. Không xét khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi. Trường hợp xem xét khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị thì thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tập thể, cá nhân đã trình bộ, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng thì không trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

12. Xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

Điều 5. Danh hiệu thi đua, gồm:

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- Tập thể lao động tiên tiến.
- Tập thể lao động xuất sắc.

2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- Chiến sĩ thi đua Cấp tỉnh, bộ;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- Lao động tiên tiến.

Điều 6. Hình thức khen thưởng gồm:

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Huy hiệu của Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
4. Giấy khen của Giám đốc sở.

5. Hình thức khen thưởng được xét tặng khi kết thúc năm công tác, kết thúc một chuyên đề thi đua hoặc một đợt thi đua, khen đột xuất, khen phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

Điều 7. Thời gian, nội dung đăng ký thi đua:

1. Thời gian, nội dung đăng ký thi đua nhiệm vụ công tác năm từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 01 năm sau.

2. Nội dung đăng ký thi đua, gồm:

a) Đối với tập thể:

- Chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao

- Xây dựng cơ quan, tổ chức Đảng, các đoàn thể

b) Đối với cá nhân:

- Chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chấp hành nội quy của cơ quan, rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đoàn thể phát động

- Tham gia xây dựng cơ quan, tổ chức Đảng, các đoàn thể.

- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 8. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua được tổ chức theo định kỳ 6 tháng và một năm để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu và kế hoạch công tác đề ra.

2. Thi đua theo đợt được tổ chức thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột xuất trong năm.

Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xây dựng kế hoạch chương trình thi đua: Căn cứ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác và tình hình thực tiễn để xây dựng kế hoạch, chương trình thi đua. Nội dung kế hoạch chương trình cần xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ chỉ tiêu thi đua, các phong trào thi đua, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và phù hợp nguyện vọng của cán bộ công chức.

2. Tổ chức phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua:

- Tổ chức phát động thi đua thực hiện kế hoạch, chương trình công tác ngay từ đầu năm.

- Kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch, chương trình công tác thi đua khen thưởng.

- Tổng kết, sơ kết thi đua: Kết thúc đợt thi đua đều phải tổ chức sơ kết, kết thúc năm công tác tổ chức tổng kết thi đua để đánh giá kết quả tìm nguyên nhân, rút kinh nghiệm.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 10. Danh hiệu lao động tiên tiến:

1. Đối với công chức, viên chức làm việc trong cơ quan, đơn vị:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với năng suất và chất lượng cao;

b) Tích cực học tập văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học;

c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh;

d) Có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

đ) Chấp hành tốt đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản của nữ theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định nhưng phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”.

b) Có sáng kiến, giải pháp để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận

2. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, ngành; Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý chiếm tỷ lệ không quá 50% của tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của cơ quan, đơn vị, ngành.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” xét tặng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

2. Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi tỉnh và được Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

3. Thời gian trình danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” liền kề năm cá nhân có quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho:

- Các phòng chuyên môn của sở, đơn vị trực thuộc sở.

- Các phòng chuyên môn và các tập thể trực thuộc đơn vị.

2. Tiêu chuẩn:

- a) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể, đơn vị đạt danh hiệu “ Lao động tiên tiến ” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho phòng chuyên môn thuộc sở, đơn vị trực thuộc sở

2. Tiêu chuẩn:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể, đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân trong tập thể đạt Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

3. Tỷ lệ khen thưởng “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% tổng số tập thể phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc sở.

Chương IV

TIÊU CHUẨN BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 15. Tiêu chuẩn Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Bộ Công Thương):

1. Tiêu chuẩn đối với cá nhân

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm.
- b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh.
- c) Có 02 năm liên tục trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

d) Tỷ lệ khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về khen thưởng thành tích công tác năm không quá 50% cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo.

2. Tiêu chuẩn đối với tập thể:

a) Có hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và hai lần đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

b) Tổ chức các phong trào thi đua nền nếp, thiết thực, hiệu quả;

c) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm, tích cực đấu tranh chống tham nhũng;

d) Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động;

e) Tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch vững mạnh.

Điều 16. Tiêu chuẩn Huy hiệu tỉnh Ninh Thuận

1. Huy hiệu tỉnh Ninh Thuận tặng cho cá nhân có nhiều công lao, thành tích đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Ninh Thuận.

2. Tên huy hiệu, tiêu chuẩn huy hiệu theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 17. Tiêu chuẩn Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho cá nhân đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

b) Lập được thành tích đột xuất

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương; Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học.

2. Giấy khen tặng cho Tập thể đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

b) Lập được thành tích đột xuất

c) Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; Tổ chức các phong trào thi đua, hiệu quả; Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hành tiết kiệm, tích cực đấu tranh chống tham nhũng; Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể; Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; các quy định của địa phương.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng:

- Cờ thi đua;
 - Tập thể Lao động xuất sắc;
 - Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh;
 - Bằng khen;
 - Huy hiệu tỉnh Ninh Thuận.
2. Giám đốc sở quyết định tặng:
- Chiến sĩ thi đua cơ sở;
 - Lao động tiên tiến;
 - Tập thể lao động tiên tiến;
 - Giấy khen.

Điều 19. Trao tặng khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó.

2. Người được ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không được ủy quyền lại.

Chương V

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG VÀ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 20. Quy định chung về thủ tục

1. Đối với khen thưởng năm công tác, sơ tổng kết một đợt thi đua, khen đột xuất, khen thi đua chuyên đề, khen phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

a) Khen thưởng năm công tác:

- Không xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể có thời gian hoạt động dưới 12 tháng trong năm.

- Cùng một cấp khen thì tập thể, cá nhân đã được xét tặng danh hiệu thi đua không xét tặng hình thức khen thưởng nữa.

- Tập thể, cá nhân đã trình bộ, ban ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng thì không trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng;

b) Khen thưởng thi đua chuyên đề, thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh);

c) Khen thưởng đột xuất là việc khen thưởng thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch và không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người như hành động bảo vệ tài sản của nhân dân, tài sản của tập thể và Nhà nước; cứu người, bắt tội phạm, phòng chống lụt, bão, hạn hán, hỏa hoạn, cứu nạn, cứu hộ; gương người tốt, việc tốt. Việc xem xét đề nghị

khen thưởng đột xuất thực hiện ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc và theo thủ tục đơn giản;

2. Quy trình xét khen thưởng năm công tác:

a) Tập thể, cá nhân tự đánh giá thành tích, so sánh với chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và đối chiếu với tiêu chuẩn khen thưởng quy định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

b) Xét khen thưởng cá nhân trước, tập thể sau, danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau;

c) Hội đồng Xét duyệt sáng kiến xét công nhận sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu đối với cá nhân có sáng kiến làm cơ sở xét khen thưởng và trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

d) Hội đồng thi đua - khen thưởng sơ xét đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc và biểu quyết theo nguyên tắc đa số như sau:

- Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước, “giải thưởng Hồ Chí Minh”, “giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” đạt từ 90% số phiếu thành viên Hội đồng tán thành trở lên.

- Đối với các hình thức khen thưởng có trên 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tán thành;

đ) Danh sách tập thể, cá nhân được khen thưởng, đề nghị cấp trên khen thưởng được niêm yết, công bố công khai tại đơn vị một tuần để mọi người tham gia ý kiến;

e) Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng thi đua - khen thưởng và ý kiến phản ánh của tập thể, cá nhân, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

3. Thông báo kết quả: tập thể, cá nhân không được khen thưởng, cá nhân có sáng kiến không được công nhận thì thủ trưởng cấp xét khen thưởng, xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình và tập thể, cá nhân đó biết cụ thể lý do.

4. Về tuyến trình khen: thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quản lý về tổ chức, công chức, viên chức, người lao động và quỹ tiền lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Điều 21. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục hồ sơ khen thưởng năm công tác:

a) Tờ trình kèm biên bản họp Hội đồng thi đua - khen thưởng:

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân:

c) Bản sao các Quyết định hoặc Giấy chứng nhận đã được khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với trường hợp đề nghị khen thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”; Bằng khen của UBND tỉnh, Bộ Công Thương; Thủ tướng Chính phủ;..

2. Thủ tục hồ sơ khen thưởng chuyên đề, phục vụ nhiệm vụ chuyên môn:

a) Tờ trình kèm biên bản họp Hội đồng thi đua - khen thưởng của cơ quan trình hoặc của ban chỉ đạo cấp tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Thời gian xét và trình các cấp khen thưởng

1. Thời gian xét khen thưởng công tác năm chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 trong năm.

2. Thời gian lập hồ sơ trình các cấp khen thưởng công tác năm trước ngày 15 tháng 12 trong năm.

3. Thời gian xét, lập hồ sơ trình các cấp khen thưởng đột xuất, khen thưởng thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề, khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị trình các cấp khen thưởng theo thời điểm yêu cầu.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng sở:

- Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng trong cơ quan và các đơn vị trực thuộc;

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các phong trào thi đua hàng năm và đột xuất;

- Thẩm định và trình Hội đồng thi đua - khen thưởng sở xét duyệt (thông qua họp Hội đồng hoặc lấy ý kiến các thành viên hội đồng bằng văn bản) đối với khen thưởng năm công tác, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định Giám đốc sở;

- Thẩm định và trình Hội đồng thi đua - khen thưởng sở xem xét, quyết định khen thưởng đột xuất, khen thưởng thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề, khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị;

- Thông báo công khai kết quả xét duyệt của Hội đồng xét các tập thể, cá nhân được khen thưởng, đề nghị cấp trên khen thưởng tại đơn vị hoặc trên website của sở trong thời hạn 5 ngày làm việc để mọi người tham gia ý kiến;

- Lập thủ tục đề đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng theo quy định; tham mưu Quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Giám đốc sở;

- Tiếp thu, tổng hợp ý kiến đề xuất xử lý những vướng mắc (nếu có); tổng hợp báo cáo theo quy định.

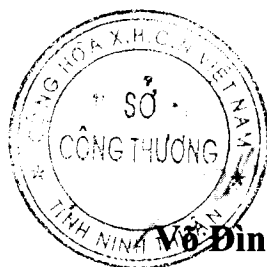
2. Đơn vị trực thuộc sở:

- Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về khen thưởng tại đơn vị; thực hiện đảm bảo nguyên tắc xét khen thưởng theo quy định;

- Hoàn thành thủ tục đề nghị xét khen thưởng công tác năm gửi về Sở Công Thương (qua Văn phòng sở) đúng quy định về nội dung và thời gian định kỳ hàng năm **trước ngày 25 tháng 11**; thủ tục đề nghị xét khen thưởng đột xuất, khen thưởng thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề, khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị trình khen thưởng theo thời điểm yêu cầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc sở phản ánh, đề xuất kiến nghị về Sở Công Thương (qua Văn phòng sở) để tổng hợp, báo cáo Giám đốc sở xem xét, chỉ đạo sửa đổi phù hợp./.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Đình Vinh

